BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN MINH TOÀN

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Chuyên ngành: Kế toán
Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ : QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. Đoàn Thị Ngọc Trai

Phản biện 1: …….

Phản biện 2: …….

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ kinh tế họp tại Đại Học Đà Nẵng ngày….tháng….. năm 2011

Có thể tìm hiểu Luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin –Học liệu, Đại học Đà nẵng
- Thư viện trường Đại học kinh tế, Đại học Đà nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế thế giới đã mang đến cho các doanh nghiệp Việt Nam những cơ hội mới để phát triển, nhưng đồng thời chứa đựng trong lòng nó nhiều thách thức, mà đòi hỏi các doanh nghiệp trong nước cần phải thay đổi cách nhìn nhận và phải tạo được các chiến lược kinh doanh phù hợp. Nhân tố chất lượng và hạ giá thành sản phẩm sẽ góp phần tích cực trong cuộc cạnh tranh khốc liệt này.

Muốn nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, các doanh nghiệp không chỉ dừng lại ở việc đầu tư nâng cao chất lượng công nghệ mới, nâng cao trình độ tay nghề của người lao động, trình độ tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh...mà còn phải sử dụng các phương pháp mới để kiểm soát chi phí; trong đó, hoàn thiện công tác kiểm soát nội bộ về chi phí là yêu cầu cấp thiết nhất. Việc kiểm soát tốt chi phí không những sẽ hạ giá thành, nâng cao khả năng cạnh tranh, mà còn góp phần tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Công Trình Đô Thị Đà nẵng là doanh nghiệp xây lắp, hoạt động trên địa bàn thành phố Đà nẵng và tỉnh Quảng nam. Trong những năm qua, Công ty đã thi công nhiều công trình trọng điểm của thành phố với giá trị lớn, được chủ đầu tư đánh giá cao về mặt chất lượng, kỹ, mỹ thuật cũng như tiến độ bàn giao công trình. Với mục tiêu *"…tiếp tục phát triển bền vững và mở rộng thị phần ra các tỉnh Miền trung và Tây nguyên"* trong điều kiện cơ chế đấu thầu cạnh tranh, công khai, để thắng thầu các công trình, công ty cần phải có các bước chuẩn bị kỹ lưỡng về mọi mặt, trong đó công tác kiểm soát nội bộ về chi phí xây lắp hiệu quả, khắc phục tình trạng lãng phí, thất thoát vốn trong quá trình thi công sẽ góp phần quan trọng để Công ty đạt mục tiêu đã đề ra.

Đó cũng là yêu cầu đặt ra cho đề tài: **"Hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất xây lắp tại Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Công Trình Đô Thị Đà Nẵng"**

2. Tổng quan về đề tài nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện luận văn này, tác giả có tham khảo một số đề tài nghiên cứu tương tự như "*Tăng cường kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất trong hoạt động xây dựng cơ bản tại Công ty Cổ phần Sông Ba*" của tác giả Lê Kỳ Anh (2008), luận văn thạc sỹ kinh tế, chuyên ngành kế toán -Đại học Đà nẵng; "*Xây dựng hệ thống kiểm soát chi phí xây lắp tại các đơn vị trực thuộc Tổng*

công ty xây dựng Miền Trung" của tác giả Nguyễn Phi Sơn (2006), luận văn thạc sỹ kinh tế, chuyên ngành kế toán -Đại học Đà nẵng; "*Tăng cường kiểm soát chi phí các công trình xây dựng cầu đường tại thành phố Đà nẵng*" của tác giả Nguyễn Thị Kim Hương (2005), luận văn thạc sỹ kinh tế, chuyên ngành kế toán -Đại học Đà nẵng. Từ những nội dung nghiên cứu của các đề tài đó, luận văn kế thừa những lý luận cơ bản về hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp xây lắp, tham khảo một số cách thức hoàn thiện hệ thống kiểm soát tại các đơn vị, qua đó kết hợp vận dụng phù hợp với thực tế tại Công ty. Điểm mới của luận văn so với các đề tài nghiên cứu trước đây, thứ nhất, luận văn đã xây dựng có hệ thống quy trình kiểm soát chi phí xây lắp từ khâu đầu đến khâu cuối:

Trước khi thi công: xây dựng định mức chi phí tiêu hao và hoạch định chi phí.

Trong khi thi công: kiểm soát bằng các thủ tục để chi tiêu trong định mức.

Sau khi thi công: Phân tích sự biến động của chi phí thực tế so với định mức để tìm ra nguyên nhân tăng, giảm chi phí mà có phương pháp điều chỉnh cho kỳ sau.

Điểm mới thứ hai là trong việc phân tích biến động chi phí, ngoài yếu tố giá cả và hiệu quả hoạt động như các đề tài nghiên cứu trước đây, ở luận văn yếu tố chất lượng sản phẩm được tác giả xem xét trong vai trò là một biến độc lập để xử lý tốt hơn các nguyên nhân dẫn đến biến động chi phí, ý tưởng này xuất phát từ bài báo "Redesigning cost Systems: Is standard costing Obsolete?" – "Thiết kế lại hệ thống chi phí: Chi phí tiêu chuẩn phải chăng đã lạc hậu?" của tác giả Carole B. Cheatham and Leo B. Cheatham (Professors at Northeast Louisiana University) được đăng trong tạp chí : Accounting Horizons, Vol.10 No.4, December 1996, pp.23-31.

3. Mục đích nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu lý luận chung về kiểm soát chi phí sản xuất xây lắp tại doanh nghiệp xây lắp. Đồng thời, luận văn nghiên cứu thực tế và phân tích, đánh giá hiện trạng công tác kiểm soát chi phí sản xuất xây lắp tại Công ty CP Đầu Tư Xây dựng Công trình Đô thị Đà nẵng.

Trên cơ sở lý luận và thực tế đã tìm hiểu, luận văn đưa ra những giải pháp khả thi để hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí xây lắp tại Công ty CP Đầu Tư Xây dựng Công trình Đô thị Đà nẵng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu là công tác kiểm soát chi phí sản xuất xây lắp tại Công ty CP Đầu Tư Xây dựng Công trình Đô thị Đà nẵng.

- Phạm vi nghiên cứu: luận văn tập trung nghiên cứu vấn đề kiểm soát quản lý đối với chi phí sản xuất xây lắp tại Công ty.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn ứng dụng phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử vào phân tích - tổng hợp, diễn dịch - quy nạp, so sánh, đối chiếu đồng thời sử dụng lý luận cơ bản của khoa học chuyên ngành kế toán, kiểm toán trong khảo sát thực tế.

Các phương pháp kỹ thuật cụ thể được sử dụng là phương pháp quan sát, phỏng vấn và nghiên cứu tài liệu.

6. Kết cấu của Luận văn

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, Luận văn được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm soát chi phí sản xuất xây lắp trong doanh nghiệp có chức năng xây lắp.

Chương 2: Thực trạng công tác kiểm soát chi phí sản xuất xây lắp tại Công ty CP Đầu Tư Xây dựng Công trình Đô thị Đà nẵng

Chương 3: Hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất xây lắp tại Công ty CP Đầu Tư Xây dựng Công trình Đô thị Đà nẵng.

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT CHI PHÍ XÂY LẮP TRONG DOANH NGHIỆP CÓ CHỨC NĂNG XÂY LẮP

1.1. Khái quát chung về hệ thống kiểm soát nội bộ

1.1.1. Vai trò của kiểm soát trong quản lý

Kiểm soát không phải là một giai đoạn của quá trình quản lý, mà là một chức năng gắn với mọi hoạt động của quá trình quản lý.

1.1.2. Khái niệm về hệ thống kiểm soát nội bộ

Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 400: "Hệ thống KSNB là các quy định và các thủ tục kiểm soát do đơn vị được kiểm toán xây dựng và áp dụng nhằm bảo đảm cho đơn vị tuân thủ pháp luật và các quy định, để kiểm tra, kiểm soát, ngăn ngừa và phát hiện gian lận, sai sót; để lập BCTC trung thực và hợp lý; nhằm bảo vệ, quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản của đơn vị".

KSNB được chia thành hai loại: Kiểm soát kế toán và kiểm soát quản lý

1.1.3. Mục tiêu và nhiệm vụ của hệ thống kiểm soát nội bộ

- *Mục tiêu bảo vệ tài sản của đơn vị*
- *Mục tiêu đảm bảo độ tin cậy của các thông tin*
- *Mục tiêu đảm bảo việc thực hiện các chế độ pháp lý*
- *Mục tiêu đảm bảo hiệu quả của hoạt động và hiệu năng quản .*

Và nhiệm vụ của hệ thống kiểm soát nội bộ thể hiện:

- *Tạo thuận lợi cho việc điều khiển và quản lý kinh doanh có hiệu quả.*
- *Đảm bảo chắc chắn là các quyết định và chế độ quản lý được thực hiện đúng thể thức và giám sát tính hiệu quả của các chế độ và quyết định đó.*
- *Phát hiện những rắc rối trong kinh doanh để hoạch định và tiến hành các biện pháp đối phó kịp thời.*

- *Ngăn chặn, phát hiện các sai phạm và gian lận trong kinh doanh.*
- *Ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, đúng thể thức các nghiệp vụ và hoạt động kinh doanh.*
- *Bảo vệ tài sản và thông tin không bị lạm dụng, sử dụng sai mục đích.*
- *Lập các BCTC kịp thời, hợp lệ, đúng chế độ.*

1.1.4. Các bộ phận cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ

Theo quan điểm truyền thống do AICPA đưa ra, hệ thống KSNB bao gồm các yếu tố sau: môi trường kiểm soát, hệ thống kế toán và các thủ tục kiểm soát.

1.1.4.1. Môi trường kiểm soát :

Bao gồm: Đặc thù về quản lý của đơn vị, cơ cấu tổ chức, chính sách nhân sự, công tác lập kế hoạch và dự toán tại đơn vị, bộ phận kiểm toán nội bộ, ủy ban kiểm soát và các nhân tố bên ngoài như pháp luật…

1.1.4.2. Hệ thống thông tin kế toán

Một tổ chức kế toán hữu hiệu thì thông tin kế toán phải đảm bảo các mục tiêu sau:

- Tính có thực: chỉ được ghi nhận những nghiệp vụ kinh tế có thật.
- Sự phê chuẩn: mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phê chuẩn hợp lệ trước và sau khi phát sinh.
- Tính đầy đủ: Ghi nhận đầy đủ toàn diện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, không được giấu bớt hoặc loại bỏ các nghiệp vụ phát sinh.
- Sự đánh giá: không để xảy ra những sai phạm trong việc đo lường, tính toán và áp dụng các chính sách kế toán.
- Sự phân loại: Đảm bảo số liệu kế toán được phân loại đúng trong quá trình chuyển số liệu từ chứng từ vào sổ kế toán .
- Sự đúng hạn: Đảm bảo việc ghi nhận doanh thu và chi phí đúng kỳ.
- Chuyển sổ và tổng hợp báo cáo chính xác: số liệu kế toán được ghi vào sổ chi tiết đúng đắn tổng hợp và báo cáo chính xác.

1.1.4.3. Các thủ tục kiểm soát

Thủ tục kiểm soát là toàn bộ các quá trình, các chính sách do nhà quản lý thiết lập nhằm mục đích giúp đơn vị kiểm soát các rủi ro có thể gặp phải. Thủ tục kiểm soát được xây dựng dựa trên ba nguyên tắc: nguyên tắc phân công, phân nhiệm; nguyên tắc bất kiêm nhiệm và nguyên tắc ủy quyền và phê chuẩn.

<u>Các thủ tục kiểm soát chủ yếu bao gồm:</u>

- *Phân chia trách nhiệm đầy đủ*
- *Kiểm soát quá trình xử lý nghiệp vụ và thông tin*
- *Kiểm soát vật chất*
- *Kiểm tra độc lập việc thực hiện*
- *Phân tích soát xét lại việc thực hiện*

1.2. Khái niệm và phân loại chi phí xây lắp

1.2.1. Khái niệm chi phí xây lắp

Chi phí sản xuất xây lắp là toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hoá phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm xây lắp của doanh nghiệp ở một thời kỳ nhất định và chi phí sản xuất này cấu tạo nên giá thành sản phẩm xây lắp.

1.2.2. Phân loại chi phí xây lắp

Trên góc độ phân loại nhằm mục đích để có thể kiểm soát được chi phí, người ta Phân loại chi phí theo công dụng kinh tế hay khoản mục chi phí

+ *Chi phí chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*
+ *Chi phí nhân công trực tiếp*
+ *Chi phí sử dụng máy thi công*.
+ *Chi phí sản xuất chung*.

1.3. Kiểm soát nội bộ đối với chi phí xây lắp trong các doanh nghiệp xây lắp

1.3.1. Sự cần thiết phải kiểm soát chi phí xây lắp

Lợi nhuận nhiều hay ít chịu ảnh hưởng trực tiếp từ chi phí đã chi ra. Muốn tiết kiệm chi phí trước hết cần phải kiểm soát được nó. Vì vậy, thiết lập quá trình kiểm soát đối với chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là hết sức cần thiết trong công tác quản lý ở các doanh nghiệp xây lắp.

1.3.2. Tạo lập môi trường kiểm soát

Việc đánh giá công việc của từng cá nhân, từng bộ phận, tổ (đội) và chỉ ra hướng khắc phục trong tương lai là một biện pháp kiểm soát chi phí hữu hiệu.

1.3.3. Tổ chức thông tin phục vụ kiểm soát chi phí xây lắp

Một hệ thống thông tin đầy đủ phải có hai nhân tố, đó là thông tin dự toán và thông tin thực hiện.

1.3.3.1. Tổ chức hệ thống thông tin dự toán

Đối tượng cần lập dự toán trong xây lắp là hạng mục công trình và công trình xây dựng. Hệ thống thông tin dự toán này chính là hệ thống định mức cho các khoản mục chi phí. Một điều kiện thuận lợi trong việc xây dựng định mức chi phí cho các công trình xây dựng là Bộ xây dựng đã ban hành hệ thống định mức xây lắp tại quyết định 24/2005/QĐ-BXD ngày 29/07/2005 và công văn 1776&1777/CV-BXD ngày 14/09/2006 của bộ xây dựng. Đây là cơ sở cho các đơn vị xây lắp xây dựng định mức chi phí của mình.

1.3.3.2. Tổ chức hệ thống thông tin thực hiện

Tổ chức hệ thống thông tin thực hiện chi phí sản xuất là tổ chức hệ thống thông tin kế toán cho việc đo lường các chi phí sản xuất thực tế phát sinh trong quá trình thi công các công trình.

1.3.4. Các thủ tục kiểm soát chi phí xây lắp

1.3.4.1. Kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

<u>a/ Thủ tục kiểm soát hiện hành</u>

Kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm kiểm soát quá trình mua hàng, kiểm soát nhà cung cấp và kiểm soát quá trình sử dụng nguyên vật liệu.

- *Thủ tục kiểm soát quá trình mua nguyên vật liệu*:

Để kiểm soát tốt quá trình này, chức năng mua hàng nên giao cho một bộ phận độc lập và cần giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện.

- *Thủ tục kiểm soát nhà cung cấp nguyên vật liệu*

Mục đích của việc kiểm soát này là có thể tiếp cận được những nguồn cung cấp có chất lượng và giá cả hợp lý.

- *Thủ tục kiểm soát quá trình sử dụng nguyên vật liệu*

Định kỳ hay đột xuất, nhà quản lý sẽ kiểm tra khối lượng xây lắp hoàn thành và căn cứ vào định mức xây dựng để tính ra lượng nguyên vật liệu tiêu hao ($Q_{ĐM}$).

b/ Thủ tục kiểm soát sau:

Thủ tục kiểm soát sau đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là phân tích sự biến động của các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bằng phương pháp thay thế liên hoàn:

Bảng 1.2 Phân tích sự biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Tổng lượng NVL tiêu hao thực tế (Q_1m_1) x đơn giá thực tế NVL (q_1)	Tổng lượng NVL tiêu hao thực tế cho sản phẩm đạt chất lượng (Q_km_1) x đơn giá thực tế NVL (q_1)	Tổng lượng NVL tiêu hao thực tế cho sản phẩm đạt chất lượng (Q_km_1) x đơn giá định mức NVL (q_0)	Tổng lượng NVL tiêu hao định mức cho sản phẩm đạt chất lượng (Q_km_0) x đơn giá định mức NVL (q_0)
(1)	(2)	(3)	(4)
	(1) – (2): biến động về chất lượng xây lắp	(2) – (3): biến động về giá NVL	3) – (4): biến động về lượng NVL
Tổng biến động = biến động về chất lượng công tác xây lắp + biến động về giá NVL + biến động về lượng NVL			

1.3.4.2. Kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

a/ Thủ tục kiểm soát hiện hành

Mục tiêu của kiểm soát chi phí nhân công là nhằm:

- Xác định được mức lương phù hợp với từng nhân công.
- Đảm bảo tiền lương của từng nhân công được tính toán đầy đủ, chính xác, kịp thời.
- Tiền lương luôn được chi trả đầy đủ, chính xác, kịp thời.

- Ghi nhận và báo cáo một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời các vấn đề về tiền lương theo đúng quy định của pháp luật và đơn vị.

  Các thủ tục kiểm soát cần thực hiện là:
- Lập các chứng từ ban đầu làm cơ sở tính lương: Bao gồm bảng theo dõi lao động, bảng chấm công, Bảng kê khối lượng sản phẩm hoàn thành… Định kỳ và đột xuất có thể kiểm tra số lượng công nhân làm việc tại công trình.
- Đối chiếu với danh sách hiện tại của đơn vị.
- Ban hành các chính sách tiền lương rõ ràng.
- Bộ phận nhân sự phải thông báo kịp thời mọi biến động về nhân sự và tiền lương, và bộ phận tính lương phải thường xuyên cập nhật các biến động này.

b/ Thủ tục kiểm soát sau:

Bảng 1.3 Phân tích biến động chi phí nhân công trực tiếp

Tổng số giờ công làm việc thực tế (Q_1m_1) x đơn giá giờ công thực tế ($đ_1$)	Tổng số giờ công làm việc thực tế cho sản phẩm đạt chất lượng (Q_km_1) x đơn giá giờ công thực tế ($đ_1$)	Tổng số giờ công làm việc thực tế cho sản phẩm đạt chất lượng (Q_km_1) x đơn giá giờ công định mức ($đ_0$)	Tổng số giờ công làm việc định mức cho sản phẩm đạt chất lượng (Q_km_1) x đơn giá giờ công định mức ($đ_0$)
(1)	(2)	(3)	(4)
	(1) – (2): biến động về chất lượng xây lắp	(2) – (3): biến động về giá giờ công	3) – (4): biến động về lượng lao động hao phí
Tổng biến động = biến động về chất lượng khối lượng công tác xây lắp + biến động về giá giờ công + biến động về lượng lao động hao phí			

1.3.4.3. Kiểm soát chi phí sử dụng máy thi công

a/ Thủ tục kiểm soát hiện hành

Xây dựng thủ tục kiểm soát chi phí trực tiếp liên quan đến xe máy thi công như chi phí nhiên liệu xe máy tiêu hao, chi phí tiền lương nhân viên lái xe…..

b/ Thủ tục kiểm soát sau:

Bảng 1.4 Phân tích biến động chi phí máy thi công

Tổng số ca máy thực tế (Q_1m_1) x đơn giá ca máy thực tế (p^M_1)	Tổng số ca máy thực tế cho sản phẩm đạt chất lượng (Q_km_1) x đơn giá ca máy thực tế (p^M_1)	Tổng số ca máy thực tế cho sản phẩm đạt chất lượng (Q_km_1) x đơn giá ca máy định mức (p^M_0)	Tổng số ca máy định mức cho sản phẩm đạt chất lượng (Q_km_0) x đơn giá ca máy định mức (p^M_0)
(1)	(2)	(3)	(4)

	(1) – (2): biến động về chất lượng xây lắp	(2) – (3): biến động về giá ca máy thi công	3) – (4): biến động về năng suất máy thi công
Tổng biến động = biến động về chất lượng khối lượng công tác xây lắp + biến động về giá ca máy thi công + biến động về năng suất máy thi công			

1.3.4.4. Kiểm soát chi phí sản xuất chung

a/ Thủ tục kiểm soát hiện hành

Bao gồm các thủ tục kiểm soát nguyên vật liệu sử dụng chung cho công trình, thủ tục kiểm soát chi phí nhân công quản lý công trình, thủ tục kiểm soát chi phí mua ngoài, chi phí khác và nội dung tương tự như đã trình bày trên.

b/ Thủ tục kiểm soát sau:

Bao gồm phân tích các yếu tố biến phí và định phí sản xuất chung.

Biến phí sản xuất chung: Chỉ tiêu phân tích tổng quát được minh họa như sau :

Biến phí sản xuất chung = Lượng yếu tố đầu vào sử dụng x Đơn giá yếu tố đầu vào

Định phí sản xuất chung: Nhà quản lý thường kiểm soát loại chí phí này theo từng nội dung yếu tố chi phí, để trên cơ sở đó xác định các khoản chênh lệch thuận lợi hoặc bất lợi của từng loại, cũng như các nguyên nhân dẫn đến các chênh lệch đó, từ đó xác định rõ trách nhiệm cá nhân, bộ phận có liên quan.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Từ những lý luận chung về hệ thống kiểm soát nội bộ và đặc thù riêng biệt của ngành xây dựng cơ bản ảnh hưởng đến công tác quản lý, kiểm soát chi phí, luận văn đã đề xuất mô hình kiểm soát nội bộ đối với chi phí sản xuất xây lắp; qua đó có thể áp dụng cho các doanh nghiệp cùng ngành, trong đó khẳng định: Một hệ thống kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất xây lắp hiệu quả cần phải xây dựng môi trường kiểm soát tốt; tổ chức hệ thống thông tin dự toán (hệ thống định mức) chính xác, linh hoạt và hệ thống thông tin thực hiện (thông tin kế toán) phải khoa học, phù hợp với thông tin dự toán; bên cạnh đó cần phải thiết lập các thủ tục kiểm soát hữu hiệu.

Chính vì vậy, việc tìm hiểu, đánh giá thực trạng công tác kiểm soát chi phí sản xuất xây lắp tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Công trình Đô thị Đà nẵng, luận văn đi sâu vào nghiên cứu các nội dung trên.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Để tìm hiểu và đánh giá thực trạng công tác kiểm soát chi phí sản xuất xây lắp tại Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng công trình Đô thị Đà nẵng, bên cạnh việc quan sát thực tế tại các công trình xây dựng, nghiên cứu tài liệu, chứng từ kế toán, tác giả còn tiến hành phỏng vấn điều tra trên 100 người thuộc bộ phận khối văn phòng công ty và các đội xây lắp trực thuộc.

2.1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Đô thị Đà nẵng

2.1.1. Quá trình hình thành, phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Đô thị Đà nẵng - trước đây là Công ty Công trình Đô thị Đà nẵng trực thuộc Sở giao thông công chính Thành phố Đà nẵng được chuyển đổi hình thức hoạt động thành Công ty cổ phần theo quyết định số 10090/QĐ -UBND của Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng ngày 05 tháng 12 năm 2008, và chính thức đi vào hoạt động theo hình thức cổ phần từ ngày 21 tháng 04 năm 2009.

Trụ sở chính đặt tại số 26 Trần Bình Trọng, quận Hải Châu, TP Đà nẵng.

Vốn điều lệ: 23.000.000.000 VNĐ; trong đó : Nhà nước nắm giữ : 49%

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ

- Xây dựng các công trình: giao thông, thủy lợi, thủy điện, dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng khu dân cư.
- Khai thác, sản xuất và kinh doanh đá xây dựng
- Sản xuất và kinh doanh các loại ống cống bê tông ly tâm, bê tông nhựa, bê tông

2.2. Giới thiệu về môi trường kiểm soát tại công ty

Quan điểm kinh doanh của Công ty lành mạnh, luôn chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước. Công ty hoạt động dựa trên điều lệ và quy chế được phổ biến rộng rãi cho toàn cán bộ công nhân viên (*kết quả điều tra có 80% người cho rằng các quy chế được phổ biến rộng rãi trong toàn công ty*)

Công tác tuyển dụng chưa được phổ biến rộng rãi, vẫn còn nhiều trường hợp tuyển dụng dựa trên mối quan hệ cá nhân.

Để thực hiện công tác kế hoạch, Công ty thành lập một bộ phận chuyên trách là phòng kế hoạch -kinh doanh. Nhiệm vụ chính là thực hiện các hồ sơ

đấu thầu, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trong tháng, quý, năm và tổng hợp kết quả thực hiện.

Ở công ty, ủy ban kiểm soát chưa phát huy được vai trò của mình (*kết quả điều tra có 87% người cho rằng Ủy ban kiểm soát chưa thực hiện đầy đủ các chức năng của mình*). Phòng kế toán chưa có bộ phận kiểm toán nội bộ, sổ sách báo cáo chỉ phục vụ cho công tác kế toán tài chính tại đơn vị. Công tác kế toán quản trị và các báo cáo liên quan chưa được thực hiện.

2.3. Giới thiệu về hệ thống kế toán tại Công ty

Để kiểm soát được dễ dàng, chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc lập các báo cáo tài chính, Công ty áp dụng mô hình bộ máy kế toán vừa tập trung vừa phân tán**.**

Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty là hình thức "Chứng từ ghi sổ" và được sử dụng trên chương trình phần mền kế toán dựa trên quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

Hàng tháng, khi kế toán các đội xây lắp, các xí nghiệp trực thuộc nộp báo cáo và các chứng từ gốc phát sinh tại các công trình, xí nghiệp; kế toán các phần hành được phân công kiểm tra, tập hợp và phân loại theo từng hoạt động sản xuất, từng công trình, hạng mục công trình và nhập vào máy tính, với các chương trình được cài đặt sẵn, thì công tác ghi vào sổ cái, sẽ được máy tính xử lý.

2.4. Thực trạng công tác kiểm soát chi phí sản xuất xây lắp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Đô thị Đà nẵng

2.4.1. Hệ thống thông tin phục vụ công tác kiểm soát chi phí sản xuất xây lắp

2.4.1.1. Tổ chức hệ thống thông tin dự toán

Theo cách xây dựng định mức chi phí thì chi phí trực tiếp (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công) phụ thuộc vào khối lượng xây lắp; chi phí chung, chi phí lán trại tạm phụ thuộc vào chi phí trực tiếp. Vì vậy, để kiểm soát tốt chi phí xây lắp các hạng mục công trình, thông tin dự toán cần phải đảm bảo tốt các nội dung: phải tính toán chính xác khối lượng công tác xây lắp từ bản vẽ thiết kế, áp dụng đúng định mức do Bộ xây dựng quy định vào nội dung từng công việc, chi phí sản xuất chung cần phải phân tích theo các khoản mục: vật liệu, công cụ dụng cụ dung chung, tiền lương nhân viên quản lý, các khoản trích theo lương, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài (điện thoại, điện nước...) và chi phí khác.

2.4.1.2. Tổ chức hệ thống thông tin thực hiện

Hệ thống thông tin thực hiện chi phí sản xuất xây lắp tại Công ty CP ĐT XD CTĐT ĐN chủ yếu là hệ thống thông tin kế toán. Hệ thống thông tin này được thực hiện qua sự kết hợp của ba loại hạch toán: Hạch toán kỹ thuật nghiệp vụ, hạch toán thống kê và hạch toán kế toán.

2.4.2. Thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất xây lắp tại Công ty cổ phần Đầu tư –Xây dựng Công trình Đô thị Đà nẵng

Tại công ty, sau khi trúng thầu các công trình xây dựng, tùy thuộc vào đặc điểm thi công công trình, quy mô cũng như tiến độ hoàn thành của gói thầu mà công ty sẽ giao cho một hay nhiều đội xây lắp cùng thực hiện.

Với cơ chế giao khoán hiện tại, Công ty có 2 dạng đội xây lắp: đội xây lắp trực thuộc chịu sự quản lý trực tiếp từ công ty và đội xây lắp độc lập được giao khoán dưới hình thức "khoán gọn".

2.4.2.1. Thủ tục kiểm soát chi phí đối với các đội xây lắp phụ thuộc

Đội xây lắp trực thuộc chiếm số lượng lớn, hoạt động như một bộ phận sản xuất, chịu sự quản lý và giám sát trực tiếp của cấp lãnh đạo công ty. Chính vì vậy, kiểm soát chi phí sản xuất phát sinh tại các đội xây lắp trực thuộc, xem xét chi phí đó phát sinh có hợp lý hay không có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm xây lắp của Công ty.

a, <u>Thủ tục kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</u>

- *Thủ tục cung ứng nguyên vật liệu*: Ở công ty, nguyên vật liệu sử dụng cho quá trình thi công được hình thành dưới hai hình thức:

+ Nguyên vật liệu do Công ty trực tiếp mua nhập tại kho công trình.

+ Nguyên vật liệu do đội xây lắp tự thu mua theo ủy quyền của Công ty đối với những công trình có địa điểm ở xa, nhập tại kho công trình.

- *Thủ tục xuất kho sử dụng nguyên vật liệu*: Trong quá trình tổ chức thi công, khi nhận được "*giấy đề nghị xuất vật tư*" của tổ trưởng các tổ sản xuất đã được đội trưởng ký duyệt, thủ kho tiến hành xuất kho vật liệu để phục vụ thi công, đồng thời mở thẻ kho, lập phiếu xuất kho phản ảnh khối lượng thực xuất, cuối ngày gởi lên kế toán đội để tổng hợp.

-*Thủ tục bảo quản nguyên vật liệu*: Nguyên vật liệu như sắt, thép tồn kho được bảo quản bằng hệ thống kho kiên cố, bãi có hàng rào B40 bảo vệ, có khóa cẩn thận, thủ kho chịu trách nhiệm bảo quản nguyên vật liệu, mọi thất thoát, thủ kho phải bồi thường.

b, <u>Thủ tục kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp</u>

- *Thủ tục kiểm soát đối với công việc giao khoán*: Trên cơ sở đơn giá công việc xác định thông qua sự thoả thuận và đồng ý giữa hai bên, đội trưởng và đại diện bên nhận khoán tiến hành ký kết "Hợp đồng giao khoán" trong đó qui định rõ điều kiện thực hiện công việc cụ thể và các yêu cầu về chất lượng, thời gian thực hiện công việc...

Cuối tháng hay khi công việc hoàn thành, nhân viên kỹ thuật công trình sẽ tiến hành nghiệm thu và xác nhận khối lượng hoàn thành thực tế, đánh giá chất lượng thực hiện ngay trên "Phiếu xác nhận khối lượng công việc hoàn thành".

- *Thủ tục kiểm soát đối với công việc trả theo thời gian*: Hằng ngày, đội trưởng sẽ theo dõi và chấm công. Cuối tháng chuyển cho các bộ phận kỹ thuật xác nhận, chuyển về kế toán tính lương và thanh toán. (*Kết quả khảo sát có*

78,75% người cho rằng đội trưởng đội xây lắp theo dõi và chấm công cho toàn đội; 100% người cho rằng kế toán là bộ phận tính lương và trả tiền lương cho đội xây lắp).

c, Thủ tục kiểm soát chi phí sử dụng máy thi công

- Thủ tục kiểm soát đối với máy thi công thuê ngoài: .

Thực tế khảo sát cho thấy, việc kiểm soát chi phí máy thuê ngoài chỉ thực hiện về mặt số lượng, chưa kiểm soát về mặt chất lượng. Cán bộ kỹ thuật căn cứ vào số giờ máy hoạt động xác nhận thanh toán, không so sánh, đối chiếu khối lượng sản phẩm hoàn thành.

- Thủ tục kiểm soát đối với máy thi công của đơn vị:

+ Thủ tục kiểm soát nhiên liệu sử dụng máy hoạt động thông qua định mức tiêu hao và giờ máy hoạt động.

+ Tình trạng xe máy không được kiểm tra định kỳ mà chỉ khi có sự cố hỏng hóc mới tiến hành sửa chữa.

d, Thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất chung

Ở Công ty, đối với chi phí sản xuất chung và cả chi phí quản lý doanh nghiệp, công ty cũng chỉ quan tâm theo dõi tổng hợp cho từng công trình, hạng mục công trình chứ không tổ chức theo dõi chi tiết cho từng loại chi phí cấu thành.

2.4.2.2 Thủ tục kiểm soát chi phí đối với các đội xây lắp độc lập

Đội xây lắp độc lập hoạt động như một xí nghiệp trực thuộc tự tổ chức sản xuất thi công các công trình, tuy nhiên đội lại không có tư cách pháp nhân nên mọi sai sót về chất lượng, an toàn lao động, chế độ người lao động...Công ty đều là người chịu trách nhiệm chính. Ở công ty đội xây lắp độc lập chiếm tỷ lệ thấp là 2 so 14 đội, nên luận văn chỉ đi vào mục tiêu kiểm soát đối với các đội xây lắp độc lập là kiểm soát chất lượng (xuất nguyên vật liệu đúng định mức của Bộ xây dựng quy định) và tình hình thực hiện chế độ cho người lao động (thanh toán tiền lương, thưởng đúng hạn, đúng công sức người lao động).

2.5. Đánh giá thực trạng công tác kiểm soát chi phí xây lắp tại Công ty CP Đầu tư Xây dựng Công trình Đô thị Đà nẵng

2.5.1. Ưu điểm:

Thứ nhất, lãnh đạo Công ty nhận thức được tầm quan trọng của công tác kiểm soát chi phí xây lắp.

Thứ hai, Công ty đã tổ chức cơ cấu quản lý hợp lý, có phân công, phân nhiệm tương đối rõ ràng.

Thứ ba, hệ thống kế toán được tổ chức, vận hành phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quản lý của đơn vị.

2.5.2. Nhược điểm:

- Trong khâu nhận nguyên vật liệu nhập kho công trình, đội xây lắp chưa thành lập bộ phận kiểm tra chất lượng hàng hóa, chỉ có duy nhất thủ kho

đội là người trực tiếp nhận hàng và kiểm tra chất lượng nên dễ dẫn đến tình trạng vật liệu không đảm bảo chất lượng trong quá trình thi công, tình trạng thất thoát do thủ kho có thể thông đồng với bên cung ứng kê khống nguyên vật liệu

2.5.2.2. Đối với chi phí nhân công trực tiếp:

Việc quản lý các lao động ngoại tỉnh thông qua hợp đồng ngắn hạn và còn tồn tại như: trình độ tay nghề của công nhân chưa được đánh giá đúng mức, chưa kiểm tra tay nghề trước khi thuê, việc quản lý chưa được chú trọng đúng mức nên dẫn đến tình trạng lấy cắt vật tư, làm việc kém năng suất, thiếu tinh thần trách nhiệm…

2.5.2.3. Đối với chi phí sử dụng máy thi công:

- Tại công ty các chi phí phát sinh liên quan đến các loại máy thi công nhỏ như máy trộn, máy đầm…không được theo dõi trong chi phí sử dụng máy thi công mà theo dõi vào chi phí chung.

- Công tác bảo trì bảo dưỡng máy thi công chưa được thực hiện, tình trạng phơi nắng, phơi mưa diễn ra thường xuyên, việc đánh giá chất lượng công việc thực hiện còn nhiều bất cập.

2.5.2.4. Đối với chi phí sản xuất chung:

Chi phí sản xuất chung ở công ty được theo dõi tổng hợp từng công trình, chưa theo dõi theo chi tiết từng bộ phận cấu thành nên khó kiểm soát. Công ty chưa xây dựng được các thủ tục kiểm soát chi phí này, cũng như cũng đi vào đánh giá, phân tích chi phí sản xuất chung thực hiện so với dự toán, nên chưa phát hiện các nhân tố ảnh hưởng, làm cơ sở cho các biện pháp kiểm soát thích hợp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Bằng cách sử dụng phương pháp quan sát thực tế, phương pháp phỏng vấn điều tra, và nghiên cứu các tài liệu trước đây; kết hợp với lý luận cơ bản của khoa học chuyên ngành kế toán, kiểm toán trong khảo sát thực tế, luận văn đã trình bày và đánh giá thực trạng công tác kiểm soát chi phí sản xuất xây lắp tại Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng công trình đô thị Đà nẵng, trong đó khẳng định:

(1) Mục tiêu nghiên cứu là kiểm soát quản lý đối với chi phí sản xuất xây lắp tại Công ty.

(2) Thực tế tại công ty, công tác kiểm soát chi phí sản xuất xây lắp đã được thực hiện bằng các thủ tục kiểm soát, dự toán chi phí. Tuy nhiên, công tác kiểm soát này còn nhiều hạn chế, các thủ tục kiểm soát chi phí chưa chặt chẽ, công tác phân tích chi phí để kiểm soát sau khi thực hiện chưa được quan tâm, hệ thống sổ sách kế toán, biểu mẫu báo cáo (thông tin thực hiện) chưa phù hợp với thông tin dự toán, chưa phục vụ cho công tác kiểm soát chi phí.

Do đó, cần thiết phải hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất xây lắp tại công ty

CHƯƠNG 3
HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ ĐN

3.1. Hoàn thiện môi trường kiểm soát

Công ty phải có chính sách rõ ràng, quy trình tuyển dụng hợp lý.

Trong khâu đào tạo, bồi dưỡng cần rà soát lại toàn bộ lực lượng lao động hiện có để có nội dung và chương trình đào tạo, bồi dưỡng sát thực, hiệu quả và thường xuyên.

Trong khâu đánh giá, đề bạt và khen thưởng cần có sự thay đổi. Cần xây dựng thêm các mức khen thưởng thỏa đáng cả về vật chất lẫn tinh thần đối với các đơn vị, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong lao động mang lại lợi ích thiết thực cho công ty.

3.2. Hoàn thiện thông tin kế toán phục vụ kiểm soát

3.2.1. Mục tiêu hoàn thiện thông tin kế toán phục vụ kiểm soát chi phí

Hoàn thiện hệ thống thông tin thực hiện cụ thể là hệ thống sổ sách kế toán, mẫu biểu báo cáo để phục vụ cho công tác kiểm soát chi phí hiệu quả.

3.2.2. Hoàn thiện sổ sách kế toán phục vụ kiểm soát chi phí sản xuất

3.2.2.1. Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

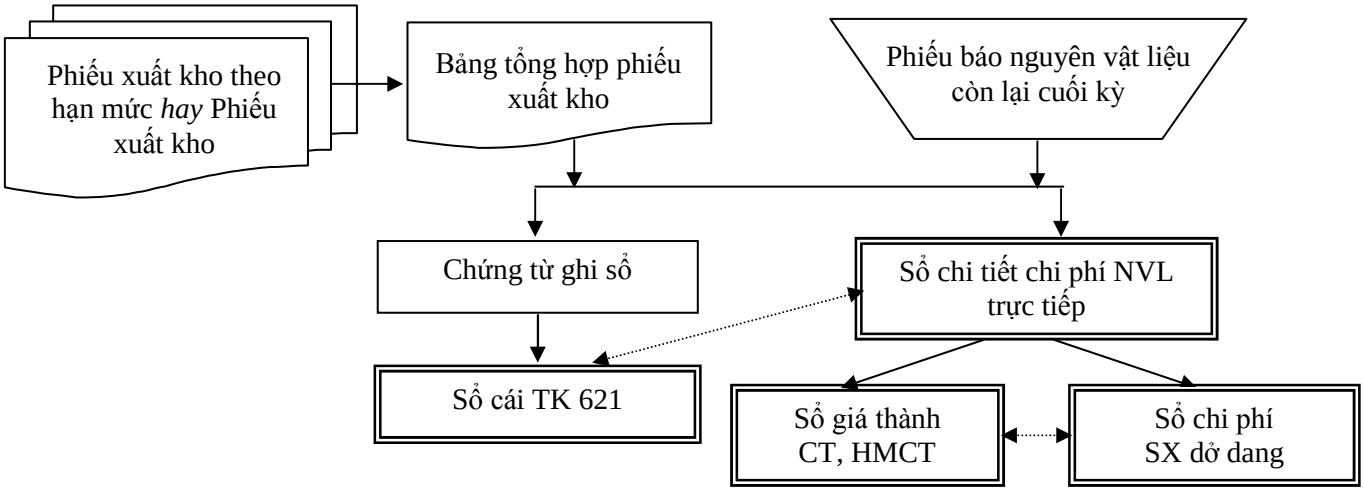

3.2.2.2. Đối với chi phí nhân công trực tiếp

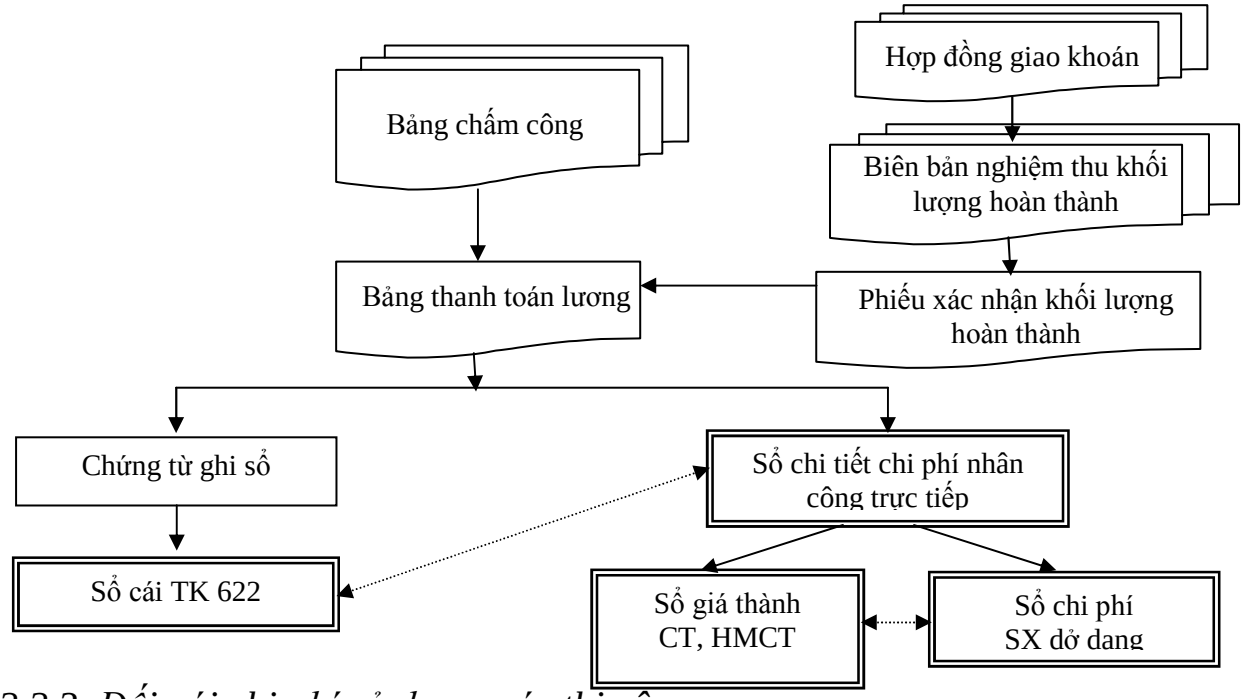

3.2.2.3. Đối với chi phí sử dụng máy thi công

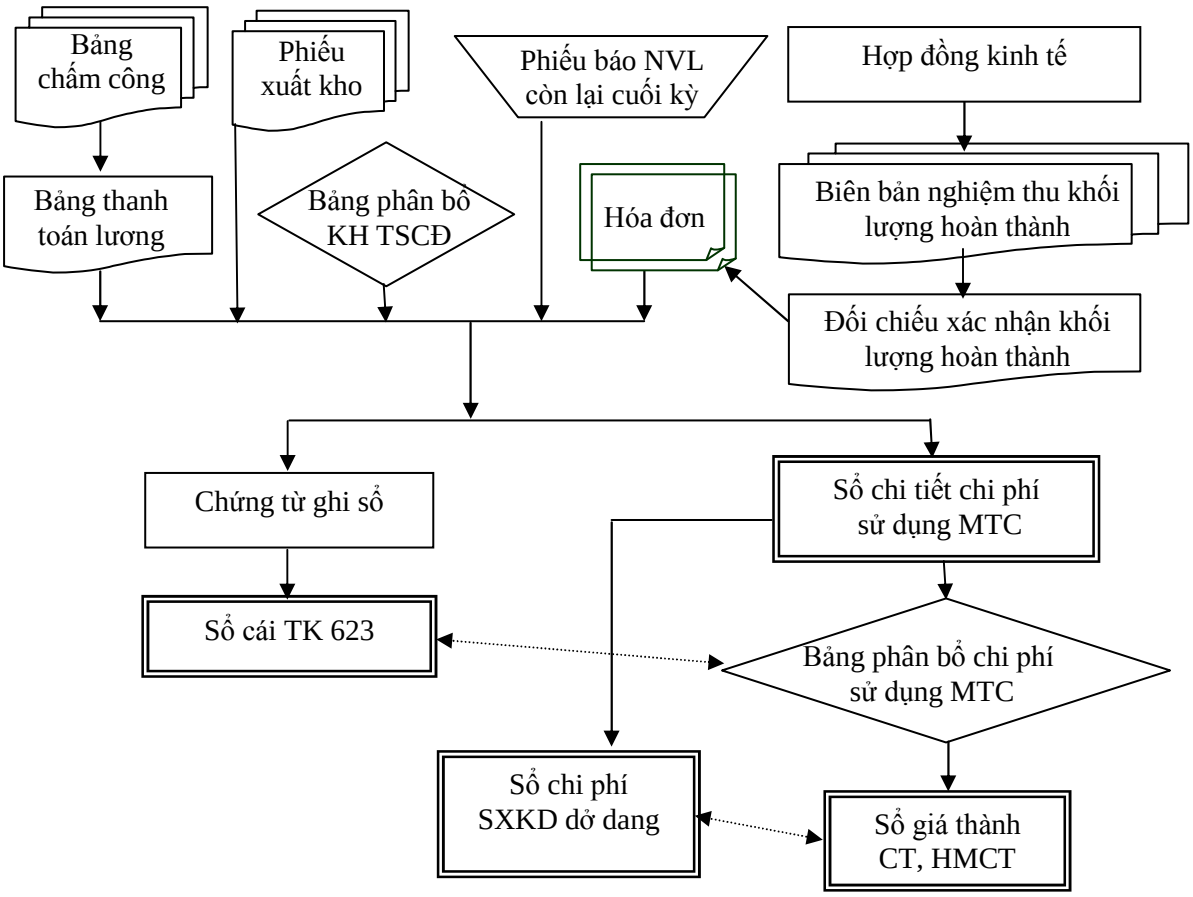

3.2.2.4. Đối với chi phí sản xuất chung

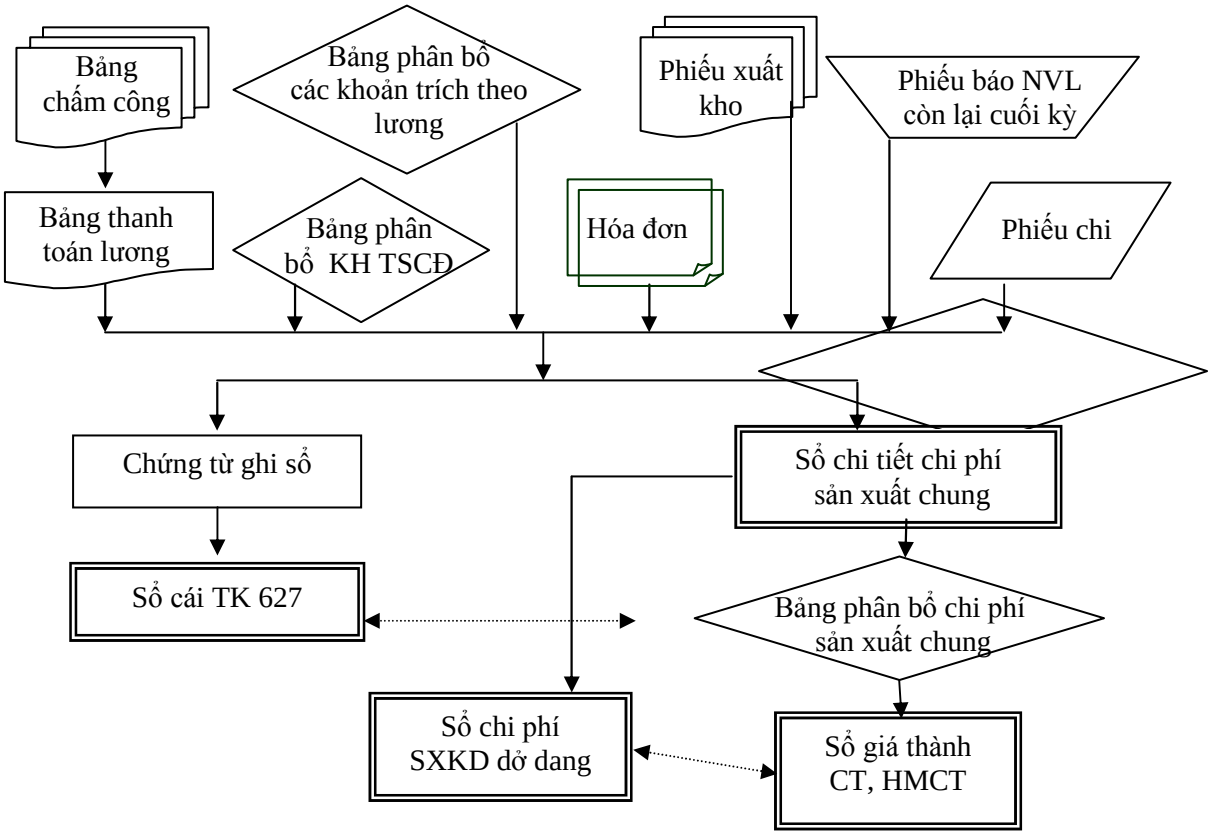

3.2.3. Hoàn thiện biểu mẫu báo cáo chi phí sản xuất

- Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch chi phí xây lắp

- Báo cáo tình sử dụng lao động và năng suất lao động.

3.3. Hoàn thiện các thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất xây lắp

Bao gồm: Thủ tục kiểm soát hiện hành và thủ tục kiểm soát sau quá trình thực hiện chi phí.

3.3.1 Hoàn thiện thủ tục kiểm soát hiện hành

3.3.1.1 Thủ tục kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Quy trình về thủ tục đặt hàng mua vật tư được mô tả theo sơ đồ 3.1

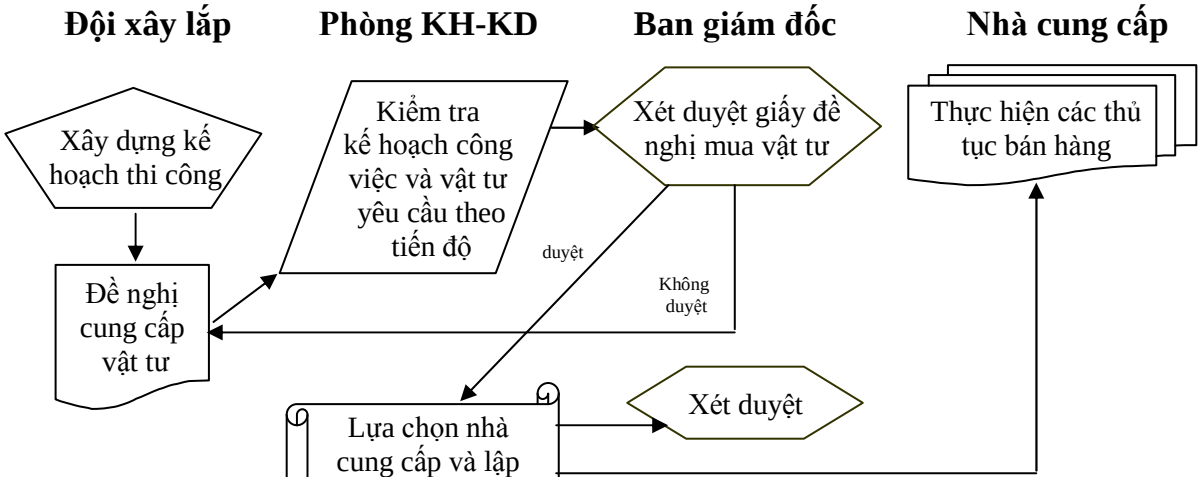

Quy trình về thủ tục nhận hàng và nhập kho vật tư được mô tả theo sơ đồ 3.2

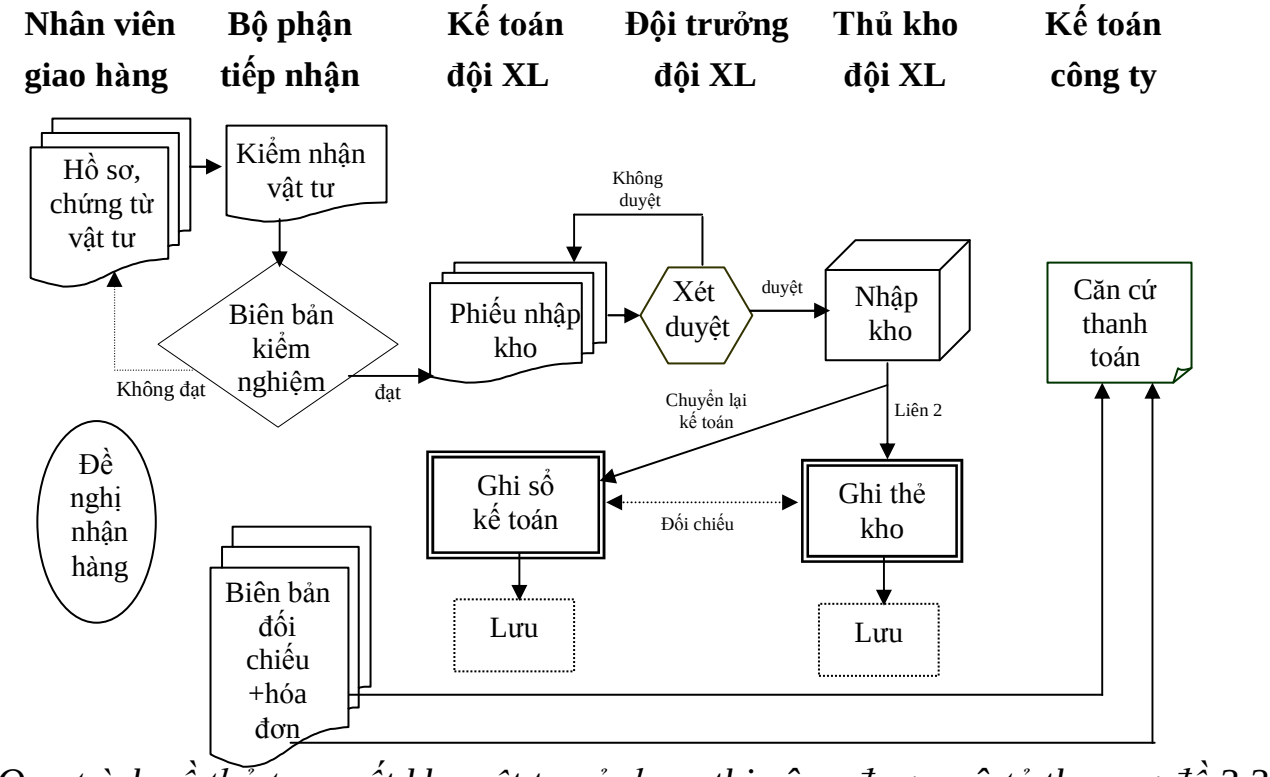

Quy trình về thủ tục xuất kho vật tư sử dụng thi công được mô tả theo sơ đồ 3.3

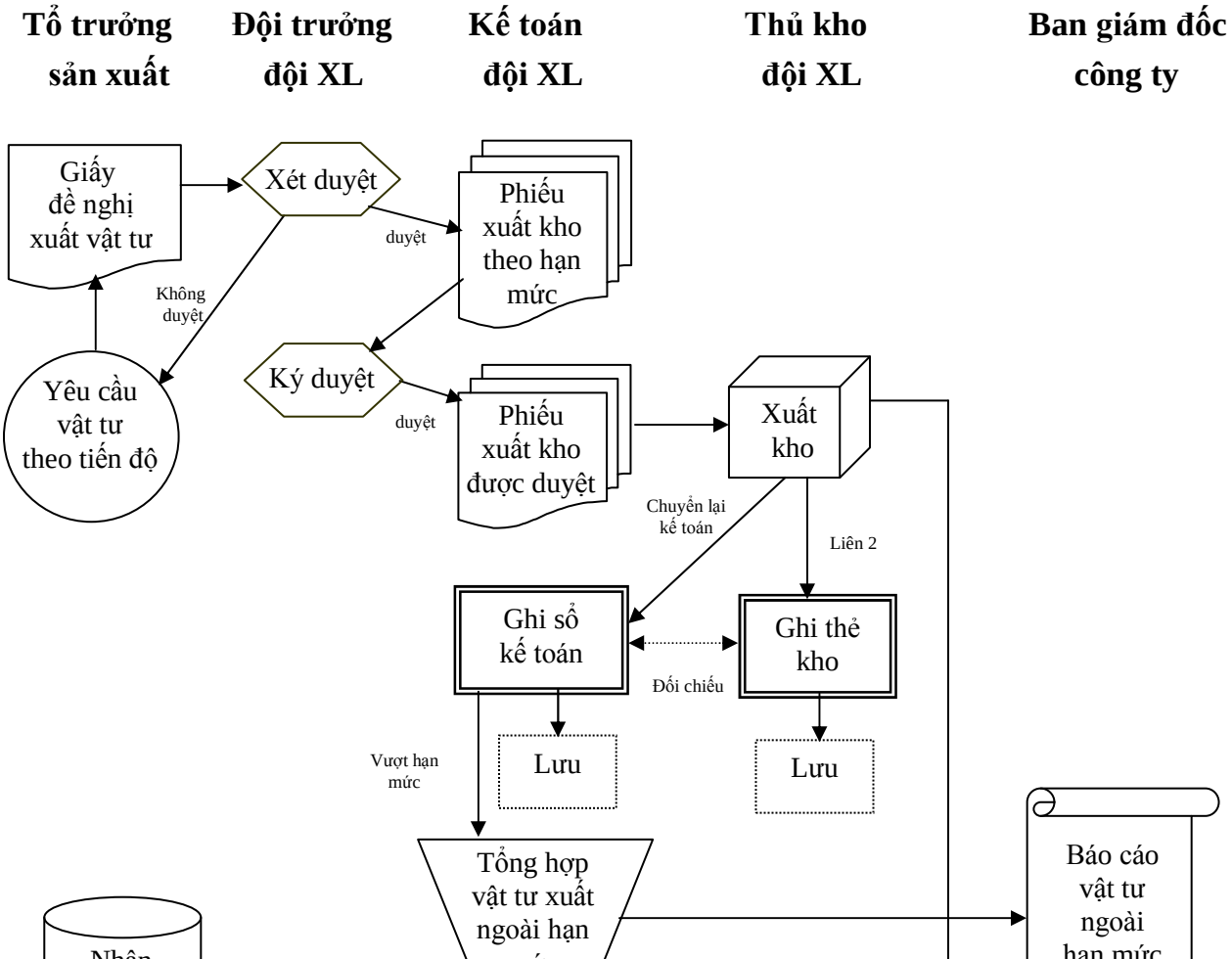

3.3.1.2 Thủ tục kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

- *Xây dựng chế độ quản lý đối với công nhân lao động*: Công nhân lao động phải được quản lý theo tổ đội, có đăng ký tạm trú, ăn ở tại lán trại của công trình (đối với công nhân ngoại tỉnh)

- *Thủ tục kiểm soát ngày công lao động* : Công ty yêu cầu đội trưởng thi công khi hoàn ứng chứng từ nhân công phải nộp kèm bảng chấm công và photo chứng minh nhân dân đính kèm. Bên cạnh đó, định kỳ hay đột xuất Công ty cử người kiểm tra số lượng công nhân làm việc thực tế tại công trình.

3.3.1.3 Thủ tục kiểm soát chi phí sử dụng máy thi công

- ***Đối với chi phí máy thi công thuê ngoài*** : Lập nhật trình ca máy cụ thể từng giờ có xác nhận của kỹ thuật, kế toán và đội trưởng thi công nhằm hạn chế sự thông đồng giữa lái máy và bộ phận kỹ thuật

- ***Đối với máy thi công thuộc Công ty quản lý*** : Đội trưởng cần quy định trách nhiệm trực tiếp cho người lái máy, mọi hư hỏng, mất mát phải có lý do giải trình và bồi thường mức độ thiệt hại thuộc phạm vị trách nhiệm của họ

+ *Thủ tục kiểm soát chi phí nhiên liệu chạy máy thi công* : Nhiên liệu cấp cho ca máy phải dựa vào kế hoạch khối lượng thi công và định mức tiêu hao, các thủ tục kiểm soát tương tự thủ tục kiểm soát nguyên vật liệu.

+ *Thủ tục kiểm soát chi phí nhân công lái* : Tiền lương của nhân viên lái máy được trả theo công việc, thủ tục kiểm soát tương tự kiểm soát chi phí nhân công

3.3.1.4 Thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất chung

- *Thủ tục kiểm soát chi phí nguyên vật liệu dùng chung* tương tự thủ tục kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

- *Thủ tục kiểm soát chi phí tiền lương nhân viên quản lý*: Quy định trong giờ làm việc, bất kỳ ai ra khỏi vị trí làm việc phải báo cáo lý do và cung cấp bằng chứng cho việc vắng mặt của mình.

- *Thủ tục kiểm soát chi phí dịch vụ mua ngoài* : Đối với tiền điện, tiền nước quản lý thông qua đồng hồ nhưng khống chế mức tối đa, nếu vượt thì quy trách nhiệm cho từng cá nhân liên quan.

- *Thủ tục kiểm soát chi phí bằng tiền khác* như chi phí tiếp khách…Công ty nên quy định một mức cụ thể nếu vượt quá thì cá nhân liên quan phải bồi thường

3.3.2 Hoàn thiện kiểm soát chi phí xây lắp qua phân tích biến động chi phí

Thực chất đây là quá trình kiểm soát sau đối với chi phí sản xuất xây lắp,

thông qua công cụ phân tích biến động chi phí; bằng cách sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để tìm ra nhân tố ảnh hưởng đến chi phí, từ đó xác định nguyên nhân, trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận có liên quan.

3.3.2.1. Kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- ***Chỉ tiêu phân tích*** :

Chi phí nguyên vật liệu của hạng mục công tác	=	Khối lượng công tác xây lắp	x	Định mức tiêu hao NVL cho 1 đơn vị khối lượng xây lắp	x	Đơn giá nguyên vật liệu xuất dùng

- ***Đối tượng phân tích***:

$$\Delta C_{VL} = C_{VL_1} - C_{VL_0}$$

$$= \sum_{j=1}^{m} Q_1 \times m_{1j} \times p_{1j} - \sum_{j=1}^{m} Q_k \times m_{0j} \times p_{0j}$$

Trong đó: C_{VL_1}, C_{VL_0} : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế, dự toán của hạng mục công tác xây lắp.

Q_1, Q_k : Khối lượng công tác xây lắp thi công thực tế trong kỳ, thực tế đạt chất lượng trong kỳ.

p_{1j} , p_{0j} : Đơn giá thực tế, dự toán của vật liệu j

m_{1j}, m_{0j} : Định mức tiêu hao nguyên vật liệu j thực tế, dự toán cho một đơn vị khối lượng xây lắp

Tuy nhiên, không phải tất cả các biến động chi phí đều phải được kiểm soát (do các nhà quản lý không có nhiều thời gian để kiểm soát và xác định nguyên nhân của toàn bộ biến động, hay việc kiểm soát này mang lại nhiều hiệu quả).

Thông thường, các biến động có giá trị lớn (về cả số tương đối và tuyệt đối), biến động lặp lại thường xuyên, biến động có xu hướng tăng dần và biến động mà tổ chức có khả năng kiểm soát là những biến động cần phân tích và xác định nguyên nhân.

BIỂU ĐỒ KIỂM SOÁT

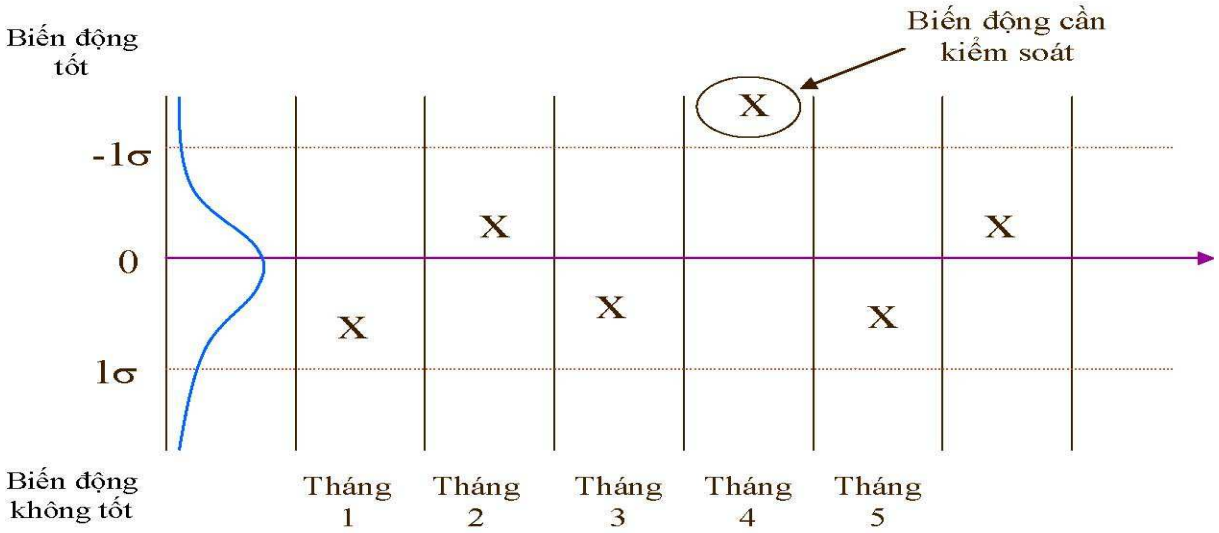

Chẳng hạn: Tháng 4/2011, biến động chi phí NVL trực tiếp tại công trình "*Đường Nguyễn Văn Linh đến nút giao thông phía tây Cầu Rồng*" tăng 10,9% so với kế hoạch, tương ứng số tiền 110.585.270 đồng. Đây là biến động bất lợi mà nhà quản lý doanh nghiệp cần quan tâm kiểm soát.

Bảng 3.6 BẢNG TỔNG HỢP BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP

Tính đến thời điểm…..năm 2010

TT	Tên hạng mục công trình, công trình	Tháng 1/2010				.	Tháng 4/2010				Tổng hợp
		Số tiền		Chênh lệch		.	Số tiền		Chênh lệch		
		Dự toán (dự toán điều chỉnh)	Thực tế	Giá trị	Tỷ lệ	...	Dự toán (dự toán điều chỉnh)	Thực tế	Giá trị	Tỷ lệ	ΔVL
01	Đường NVL nối dài đến nút giao thông phía tây cầu Rồng	657.904.049	700.667.812	+42.763.763	6,5%	…	1.018.512.342	1.129.097.612	+110.585.270	10,9%	
02	HTKT khu dân cư An Cư 4 (GĐ2)	206.009.531	216.722.027	+10.712.496	5,2%	…	388.829.962	416.436.675	+27.606.713	7,1%	
03	Đường Đà nẵng – Hội An (LVHiến)	977.508.063	1.043.978.611	+66.470.548	6,8%	…	226.150.292	243.111.564	+16.961.272	7,5%	
04	HTKT khu TĐC Tân Trà	389.942.426	410.609.375	+20.666.948	5,3%	…	198.231.600	210.521.960	+12.290.359	6,2%	
…	……	……	……	……	……	…	……	……	……	……	
	Tổng cộng	**20.153.402.379**	**21.342.453.120**	**1.189.050.740**	**5,9%**		**13.987.392.211**	**15.120.370.980**	**1.184.545.192**	**8,1%**	

Người lập biểu	**Phòng KH-KD**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(ký tên)	*(ký tên)*	*(ký tên)*	*(ký tên)*

Bảng 3.6 BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP

Công trình : Đường Nguyễn Văn Linh đến nút giao thông phía tây Cầu Rồng

Tháng 4 năm 2010

TT	Hạng mục công tác	Chí phí nguyên vật liệu trực tiếp theo yếu tố				Mức độ ảnh hưởng của các nhân tố			Tổng hợp
		$Q_1m_1p_1$	$Q_km_1p_1$	$Q_km_1p_0$	$Q_km_0p_0$	Δc	Δp	Δm	ΔVL
A	**HỆ THỐNG GIAO THÔNG**								
…	……	……..	……..	……..	……..	……..	……..	……..	……..
27	**Bêtông mặt đường, đá 1x2 M250**	**176.725.416**	**176.725.416**	**161.704.287**	**160.475.854**	**0**	**+15.021.129**	**+1.228.433**	**+16.249.562**
	+ Xi măng PC 30	97.605.838	97.605.838	83.559.438	90.097.698	0	+14.046.400	-6.538.260	+7.508.140
	+ Cát vàng	8.862.284	8.862.284	9.391.298	7.123.292	0	-529.014	+2.268.006	+1.738.992
	+ Đá 1x2	49.602.284	49.602.284	48.500.000	43.001.313	0	+1.102.284	+5.498.687	+6.600.971
	+ Nhựa đường	10.609.375	10.609.375	10.207.916	10.207916	0	+401.459	0	+401.459
31	……	……	……	……	……	……	……	……	……
	Bêtông bó vỉa hè, đá 1x2 M200	**108.228.762**	**107.045.934**	**97.838.193**	**98.940.157**	**+1.182.828**	**+9.207.742**	**-1.101.964**	**+9.288.605**
	+ Xi măng PC 30	61.221.552	60.552.464	51.838.400	56.787.356	+640.000	+8.714.064	-4.948.956	+4.434.196
	+ Cát vàng	5.573.173	5.512.264	5.841.322	5.616.140	+60.909	-329.058	+225.182	-42.967
	+ Đá 1x2	37.431.827	37.022.735	36.200.000	32.578.190	+409.091	+822.736	+3.621.810	+4.853.637
	……	……	……	……	……	……	……	……	……
	Tổng Cộng	**1.129.097.612**	**1.123.975.276**	**1.038.706.554**	**1.018.512.342**	**+5.122.336**	**+85.268.722**	**+20.194.212**	**+110.585.270**

Người lập biểu	**Phòng KH-KD**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(ký tên)	*(ký tên)*	*(ký tên)*	*(ký tên)*

Nguyên nhân của sự biến động chi phí NVL trực tiếp được xác định là do ảnh hưởng của các nhân tố :

+ ***Chất lượng công tác xây lắp*** : Chất lượng một số sản phẩm không đạt yêu cầu, thi công sai thiết kế, không được chủ đầu tư chấp nhận nghiệm thu thanh toán, phải đập đi làm lại ảnh hưởng bất lợi làm tăng chi phí NVL trực tiếp lên 5.122.336 đồng. Nguyên nhân được xác định chủ yếu là do thời tiết trong kỳ không thuận lợi, trời mưa to trong quá trình thi công đổ bê tông bó vỉa. Đây là nguyên nhân khách quan không kiểm soát được.

+ ***Đơn giá nguyên vật liệu trực tiếp xuất dùng*** : Đơn giá nguyên vật liệu xuất dùng do giá mua nguyên vật liệu quyết định. Nhìn chung, giá cả nguyên vật liệu thay đổi ảnh hưởng đến chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong tháng theo 2 chiều hướng :

- *Chiều hướng tích cực* : Giá cả một số nguyên vật liệu thực tế giảm so với dự toán đã làm chi phí nguyên vật liệu trong tháng giảm. Chẳng hạn, giá cát đúc thực tế là 67.000đ/m^3 giảm 4.000/m^3 so với dự toán làm chi phí nguyên vật liệu giảm. .

- *Chiều hướng bất lợi* : Giá cả một số nguyên vật liệu như xi măng, sắt, thép, đá 1x2, đá 2x4...tăng so với dự toán đã làm chi phí nguyên vật liệu thực tế trong tháng tăng. Chẳng hạn, giá mua xi măng Phúc Sơn PC30 tăng 165,5/kg so với dự toán làm chi phí nguyên vật liệu tăng 47.871.164 đồng (*tính cho hạng mục giao thông*).

+ ***Định mức tiêu hao nguyên vật liệu xuất dùng*** : Định mức tiêu hao nguyên vật liệu thay đổi làm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong tháng tăng 20.194.212 đồng, có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến việc tăng định mức tiêu hao trong kỳ. Tuy nhiên, có thể nhà quản trị nên quan tâm đến nguyên nhân chủ yếu là do hệ thống kho bãi, cách quản bảo quản, xuất kho vật tư thi công công trình.

3.3.2.2 Thủ tục kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

- ***Chỉ tiêu phân tích*** :

Chi phí nhân công trực tiếp của hạng mục công tác	=	Khối lượng công tác xây lắp	x	Mức hao phí lao động cho 1 đơn vị khối lượng công tác	x	Đơn giá lao động

- ***Đối tượng phân tích***:

$$\Delta CNC = C_{NC1} - C_{NCk}$$
$$= \sum_{i=1}^{m} Q_1 \times m_{1j} \times đ_{1j} - \sum_{i=1}^{m} Q_k \times m_{0j} \times đ_{0j}$$

3.3.2.3 Thủ tục kiểm soát chi phí sử dụng máy thi công

- ***Chỉ tiêu phân tích*** :

Chi phí sử dụng máy thi công của hạng mục công tác	=	Khối lượng công tác xây lắp	x	Số ca máy thi công phục vụ cho 1 đơn vị khối lượng xây lắp	x	Đơn giá ca máy thi công phục vụ

- ***Đối tượng phân tích***:

$$\Delta CCM = {}_{m}CCM_1 - CCM_0$$
$$= \sum_{j=1}^{m} Q_1 \times m_{1j} \times p^{M}_{1j} - \sum_{j=1}^{m} Q_k \times m_{0j} \times p^{M}_{0j}$$

Tùy vào từng hạng mục công tác xây lắp mà chi phí sử dụng máy thi công chiếm tỷ lệ nhiều hay ít trong cơ cấu giá thành từng hạng mục. Do hạn chế của đề tài, số liệu chỉ tập trung vào một số hạng mục xây lắp mà chi phí sử dụng máy chiếm tỷ lệ khá nhỏ, nên sự biến động khi phân tích không đáng quan tâm, chi phí MTC thực tế chỉ tăng 3,9% so với kế hoạch. Ở đây, tác giả xin nêu ra cách thức phân tích để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí sử dụng máy thi công trong kỳ, từ đó tìm ra nguyên nhân làm ảnh hưởng đến các nhân tố đó, góp phần kiểm soát chi phí sử dụng máy thi công được chặt chẽ và hiệu quả hơn.

3.3.2.4 Thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất chung

Bảng 3.12 BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Công trình : Đường Nguyễn Văn Linh đến nút giao thông cầu Rồng

Tháng 04 năm 2010

STT	Nội dung chi phí	Dự toán	Dự toán điều chỉnh	Thực hiện	*Chênh lệch*	
					Δ	T(%)
A	B	1	2	3	4 = 3-2(1)	5=4/2(1)
I	***Biến phí sản xuất chung***	**X**	**21.986.325**	**26.229.686**	**+4.243.361**	
01	+ Chi phí nguyên vật liệu	X	5.356.500	6.397.280	+1.040.780	19,4%
02	+ Chi phí nhiên liệu	X	4.150.000	4.965.000	+815.000	19,6%
...	.....	X	.....	…….	……..	…..
II	***Định phí sản xuất chung***	**24.056.000**	**X**	**27.151.000**	**+3.095.000**	
01	+ Chi phí tiền lương gián tiếp	9.350.750	X	12.445.750	+3.095.000	33,1%
02	+ Chi phí khấu hao TSCĐ	2.950.000	X	2.950.000	0	0%
03	+ Chi phí điện thoại	700.000	X	700.000	0	0%
.....	.....	.....		.....	.....	
	Cộng	**24.056.000**	**21.986.325**	**53.380.686**	**+7.338.361**	

Đối với định phí sản xuất chung : mọi sự tăng lên so với kế hoạch đều được đánh giá là không tốt và mỗi bộ phận, cá nhân liên quan cần phải giải thích những nguyên nhân làm tăng chi phí đó.

Đối với biến phí sản xuất chung nên xem xét theo cả 2 yếu tố lượng và giá. Trình tự phân tích như đã được trình bày ở các phần trên.

Đối với những chi phí hội họp, chi phí tiếp khách, đối ngoại giao dịch... phát sinh tại đội, tuỳ thuộc vào từng thời kỳ, từng giai đoạn phát triển mà cấp lãnh đạo công ty nên qui định mức tối đa cho từng bộ phận. Tuy nhiên, khi có

biến động xảy ra cần phải xem xét gắn liền với hiệu quả kinh tế do khoản đó mang lại.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Từ những nghiên cứu, đánh giá về thực trạng công tác kiểm soát nội bộ đối với chi phí sản xuất xây lắp tại Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng công trình đô thị Đà nẵng, luận văn đã đề xuất một số giải pháp mang tính khả thi, phù hợp với điều kiện hiện tại của công ty như: hoàn thiện môi trường kiểm soát nội bộ, tổ chức lại thông tin kế toán phục vụ công tác kiểm soát, thiết lập lại một số thủ tục kiểm soát chi phí xây lắp, góp phần hoàn thiện công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất xây lắp tại Công ty, góp phần giúp công ty hoàn thành được mục tiêu đã xác định, đồng thời qua đó nâng cao khả năng cạnh tranh của công ty trong xu thế hội nhập và phát triển kinh tế.

KẾT LUẬN

Một hệ thống kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp hữu hiệu sẽ mang đến nhiều lợi ích cho doanh nghiệp: góp phần tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, cũng như giảm bớt nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong quản lý.

Việc hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất xây lắp có thể thực hiện thông qua nhiều cách; nhưng để đạt được hiệu quả, các giải pháp đưa ra cần phải thực tế khách quan, phù hợp với điều kiện hiện tại của mỗi doanh nghiệp. Qua quá trình khảo sát và tìm hiểu về thực trạng công tác kiểm soát chi phí sản xuất xây lắp tại Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Công trình Đô thị Đà nẵng, được sự hướng dẫn tận tình của cô giáo TS. Đoàn Thị Ngọc Trai, tác giả đã đưa ra một số biện pháp cơ bản, thiết thực có thể áp dụng trong điều kiện hiện nay tại công ty. Tuy nhiên, do thời gian nghiên cứu còn hạn chế, luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp từ phía độc giả.

Xin chân thành cảm ơn!